TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**13**/2022/HSST
Ngày 10 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Bùi Thị Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phượng -** Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Ba Đình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 241/2021/TL - HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với:

* Bị cáo **Trần Văn T**, sinh năm: 1984; Hộ khẩu thường trú: 543 đường T, phường H, quận H, thành phố H; Nơi ở: Không có nơi ở cố định. Nghề Nghiệp: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trần Văn L, sinh năm 1942; Họ tên mẹ: Bùi Thị Q, sinh năm 1942. Họ tên vợ: Lê Hải M, sinh năm 1984. Có 01 con sinh năm 2018. Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con út. Tiền án, tiền sự: Ngày 01/11/2007 Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ra trại ngày 13/02/2008. Thi hành án phí ngày 11/4/2008. Đã xoá án; Ngày 31/10/2011 Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ra trại ngày 27/4/2012. Thi hành án phí ngày 31/10/2011. Đã xoá án; Ngày 28/9/2013 Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Ra trại ngày 29/01/2016. Thi hành án phí ngày 28/9/2013. Đã xoá án. Bị cáo đầu thú ngày 15/9/2021 Hiện đang tạm giam tại trại giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị cáo **Lê Hải M**, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: 31/612/79 L, phường G, quận B, thành phố H và nơi ở: 16 ngõ 639 H, phường V, quận B, thành phố H. Nghề Nghiệp: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Lê Văn Đ (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1940. Gia đình có 7 anh chị em, bị can là con út. Họ tên chồng: Trần Văn T, sinh năm 1984. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018. Nhân thân: Ngày 25/3/2016 Toà án nhân dân quận Ba Đình xử miễn trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Bị cáo đầu thú ngày 15/9/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2021 đến ngày 24/9/2021. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị **Hoàng Diệp T**, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Tổ 12 phường Đ, thành phố C, tỉnh C. Địa chỉ: Số 97B ngõ 173 H, phường N, quận B, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người liên quan: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1965. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 12 phường Đ, thành phố C, tỉnh C. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, Trần Văn T điều khiển xe máy Honda Vespa LX màu trắng (không rõ BKS) đèo Lê Hải M, khi đi đến khu vực ngõ 65 Vạn Bảo thì hai đối tượng phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 11B1-129.72 của chị Hoàng Diệp T để trước cửa hàng Circle K địa chỉ 65 V, quận B, thành phố H. T dừng xe lại, nói với M: "Có con xe SH đấy", M hiểu ý là trộm cắp chiếc xe máy đó. Cả hai lại gần, C kiểm tra, phát hiện xe không khóa cổ, không khóa càng, quan sát không có người trông giữ, T đứng trước đầu xe dùng hai tay cầm vào hai tay nắm của xe kéo xe tiến về phía trước khoảng 1 mét và bảo M dắt xe ra khỏi vị trí để T đẩy sau. M dắt xe ra phố Đội Cấn, T điều khiển xe Vespa LX theo sau, M ngồi trên chiếc xe vừa trộm cắp được để T dùng chân đẩy về ngõ 279 Đ cất giấu, dùng khoá chữ U (là chiếc khoá dùng cho xe Vespa LX của T) khoá xe này lại, không gửi ai trông giữ.

Sau khi giấu xe, T chở M về nhà, đến khoảng 12 giờ ngày 27/12/2019 T điều khiển xe máy đèo M quay lại địa điểm giấu xe. T dùng tô vít tháo ốp mặt nạ của chiếc xe, đấu dây điện lại để khởi động nổ máy. Sau đó, M đi xe máy của T về nhà còn T điều khiển chiếc xe máy Honda SH trộm cắp được mang bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân) tại khu vực phố Chùa Hà với giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), T đưa cho M 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền bán xe các đối tượng đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được xe máy của chị Hoàng Diệp T.

Tháng 9/2021, T biết tin vụ việc đã bị khởi tố, ngày 15/9/2021 T cùng M đến Công an quận Ba Đình đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 26/12/2019 như đã nêu trên. Lời khai của hai bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai người bị hại, phù hợp hiện trường, phù hợp các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản kết luận giám định tài sản số 32 ngày 11/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận trị giá chiếc xe máy Honda SH BKS 11B1-129.27 của chị Hoàng Diệp T trị giá 70.000.000 đồng. Hiện tại chưa thu hồi được chiếc xe máy, chị Hoàng Diệp T yêu cầu Trần Văn T, Lê Hải M phải bồi thường cho chị số tiền 70.000.000 đồng (bằng trị giá kết luận định giá).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo M đã tự nguyện khắc phục hậu quả và bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Vì vậy, về phần trách nhiệm dân sự, chị T đề nghị bị cáo Trần Văn T bồi thường cho tôi số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và đề nghị bị cáo Lê Hải M bồi thường cho số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Hải M, người bị hại là chị T đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo xuống mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo có cơ hội cải tạo ngoài xã hội để chăm sóc, nuôi dạy các con của bị cáo và có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, bị cáo T nhận trách nhiệm sẽ bồi thường cho người bị hại số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và bị cáo M nhận trách nhiệm sẽ tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Chiếc xe máy Honda Vespa LX màu trắng (không rõ BKS) Trần Văn T sử dụng làm phương tiện chở Lê Hải M đi trộm cắp tài sản ngày 26/12/2019, T khai thường xuyên thay đổi xe vì mua đi bán lại nên không nhớ biển kiểm soát và không nhớ đã bán cho ai chiếc xe đó nên không có thông tin để thu giữ, xử lý.

Đối với người đàn ông mua xe của T, do không có thông tin cụ thể nên không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 234/CT-VKS ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đã truy tố Trần Văn T và Lê Hải M về tội Trộm cắp tài sản theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, tại trước cửa hàng Circle K địa chỉ 65 V, phường L, quận B, thành phố H, Trần Văn T và Lê Hải M đã trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 11B1-129.72 trị giá 70.000.000 đồng của chị Hoàng Diệp T. Hiện chưa thu hồi được tài sản. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 4 năm tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Hải M về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 40.000.000 đồng và bị cáo Lê Hải M phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 20.000.000 đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T và Lê Hải M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và lời nói sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Ba Đình, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người bị hại là chị Hoàng Diệp T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đã trình bầy nội dung sự việc và đã có lời khai tại cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ, nên việc vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi các bị cáo Trần Văn T và Lê Hải M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ba Đình cùng các tài liệu có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, tại trước cửa hàng

Circle K địa chỉ 65 V, phường L, quận B, thành phố H, Trần Văn T và Lê Hải M đã trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 11B1-129.72 trị giá 70.000.000 đồng của chị Hoàng Diệp T. Hiện chưa thu hồi được tài sản. Ngày 15/9/2021, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Lê Hải M đã ra đầu thú. Hành vi trên đây của bị cáo Trần Văn T và bị cáo Lê Hải M đã phạm vào tội 'Trộm cắp tài sản''. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội.

Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, hành vi phạm tội là do tự phát. Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng, là người phát hiện ra tài sản và bảo bị cáo M cùng thực hiện hành vi pham tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người trực tiếp đi bán tài sản vừa trộm cắp được với giá 16.000.000 đồng và bị cáo chỉ chia cho bị cáo M một phần là 4.000.000 đồng.

Nhân thân bị cáo Trần Văn T có 03 tiền án đã được xóa án tích. Qua đó thể hiện bị cáo đã được pháp luật giáo dục cải tạo nhiều lần nhưng không thay đổi. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nhận thấy tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo Trần Văn T là cao hơn vai trò của bị cáo M trong vụ án.

Nhân thân bị cáo Lê Hải M đã bị xét xử nhưng được miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Khi xảy ra vụ án, bị cáo M đã đến cơ quan điều tra để đầu thú. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo M đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả và bồi thường cho người bị hại. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo M xuống mức hình phạt thấp nhất, xin cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Hơn nữa, bị cáo Trần Văn T là chồng của bị cáo M cũng bị đưa ra xét xử trong vụ án này. Bị cáo phạm tội trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và hiện nay bị cáo đang phải một mình nuôi 3 con, nên áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo cũng như tạo điều kiện cho bị cáo được chăm sóc các con còn nhỏ.

Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M đã tự nguyện khắc phục hậu quả và bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T nhận trách nhiệm sẽ bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 40.000.000 đồng và bị cáo Lê Hải M nhận trách nhiệm sẽ tiếp tục bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền là 20.000.000 đồng phù hợp với pháp luật cũng như yêu cầu của người bị hại nên được ghi nhận.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Về tội danh và hình phạt:**

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T **42** ***(Bốn mươi hai)*** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

- Tuyên bố bị cáo **Lê Hải M** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Lê Hải M **24** ***(Hai mươi tư)*** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** ***(bốn mươi tám)*** tháng tù tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo: Lê Hải M về Ủy ban nhân dân phường V, quận B, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Văn T nhận trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng (chưa nộp) và bị cáo Lê Hải M nhận trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Ghi nhận bị cáo M đã bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bị cáo M còn phải tiếp tục phải bồi thường cho người bị hại chị Hoàng Diệp T số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

*** Về án phí:** *Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Hải M phải chịu 1.000.0000 *(Một triệu)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** *Áp dụng khoản 1,4 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;*

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án ./.

Nơi nhận:
-TAND TP thành phố Hà Nội;
-VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- UBND phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- UBND phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**